

Bản án số: 06/2019/KDTM-PT
Ngày: 05 - 9 - 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng đại lý
bao tiêu xăng dầu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT- KDTM, ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân **thị xã M**, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 06/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung Nguyên K. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩnh P, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: đường D, phường E, thành phố F, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Thiệu Quang S, Công ty Luật G.

Địa chỉ: đường G, phường H, quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ C - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C.

Địa chỉ doanh nghiệp: Khu vực K, phường L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm: 1961

Địa chỉ: đường N, phường O, quận P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Văn X, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: đường Q, phường R, quận P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm: 1961

Địa chỉ: đường N, phường O, quận P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3.2. Ông Đặng Thanh T

3.3. Bà Nguyễn Thị Cẩm G

Cùng địa chỉ: đường S, phường T, quận P, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị Cẩm G ủy quyền cho ông Đặng Thanh T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Thanh T: Luật sư Nguyễn Thanh C - Công ty Luật A.

Địa chỉ: đường Q, phường R, quận P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3.4. Công ty cổ phần thương mại dầu khí B

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung Nguyên K. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: đường D, phường E, thành phố F, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: đường D, phường E, thành phố F, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A là nguyên đơn trong vụ án.

- Ông Nguyễn Trường T - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mỹ C, chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn X.

- Ông Đặng Thanh T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2017, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A, ông Lê Vĩnh P trình bày:

Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A (gọi tắt là Công ty dầu khí A) và Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C (gọi tắt là Doanh nghiệp C) do bà Trần Thị Mỹ C làm chủ doanh nghiệp có ký kết hợp đồng bao tiêu xăng dầu số 30/DKHG-HĐ.ĐLXD-2014 ngày 01/01/2014. Theo đó Doanh nghiệp C là đại lý bao tiêu xăng dầu, nhận và phân phối xăng dầu cho Công ty dầu khí A. Trên cơ sở hợp đồng, giữa Công ty dầu khí A và Doanh nghiệp C ký kết các văn bản thỏa thuận và các hợp đồng ký gửi với nội dung Công ty dầu khí A đồng ý cho Doanh nghiệp C mua xăng dầu trả chậm. Từ năm 2014 đến cuối năm 2016 Công ty dầu khí A đã cung cấp xăng dầu cho Doanh nghiệp C số liệu theo bản đối chiếu công nợ qua các năm. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì Doanh nghiệp C còn nợ Công ty dầu khí A số nợ tổng cộng là 67.700.871.260 đồng, trong đó nợ gốc là 50.672.519.260 đồng và lãi là 17.028.352.000 đồng.

Để đảm bảo cho Doanh nghiệp C trả nợ thì ông X, bà C, ông T, bà G đã thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty dầu khí A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên việc thế chấp không có đăng ký giao dịch đảm bảo mà chỉ có công chứng. Công ty dầu khí A đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Nay Công ty dầu khí A yêu cầu bà Trần Thị Mỹ C, chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 67.700.871.260 đồng. Đối với tài sản ông Đặng Văn X, bà Trần Thị Mỹ C, ông Đặng Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm G đã thế chấp cho Công ty dầu khí A yêu cầu xử lý để đảm bảo thu hồi nợ.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trường T trình bày: Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C không có giao dịch mua bán với Công ty dầu khí A. Trước đây doanh nghiệp tư nhân C có nhận nợ của doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Q (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp Q) số nợ khoảng 50.000.000.000 đồng, sau đó Doanh nghiệp C đã chuyển trả lại nghĩa vụ cho Doanh nghiệp Q nên Doanh nghiệp C không còn nợ Công ty dầu khí A. Ông yêu cầu hủy hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 30/DKHG-HĐ.ĐLXD-2014 ngày 01/01/2014 giữa Công ty dầu khí A với doanh nghiệp C vì hợp đồng này là hợp đồng giả cách và từ ngày 01/01/2014 đến nay hai bên không thực hiện hợp đồng mua bán. Để hợp pháp hóa việc nhận nợ thay thì Công ty dầu khí A yêu cầu bà C ký gửi 05 hợp đồng khống vào các ngày 25/5/2014 đến 29/5/2014 với tổng giá trị là 57.651.000.000 đồng, nhưng thực tế Doanh nghiệp C chỉ nhận nợ cho Doanh nghiệp Q số tiền 50.672.519.260 đồng. Đến ngày 24/5/2016 Doanh

ng nghiệp C đã chuyển trả lại nghĩa vụ trả nợ cho Doanh nghiệp Q có sự xác nhận của công ty dầu khí B vì thực tế Doanh nghiệp Q chỉ nợ Công ty dầu khí B còn Doanh nghiệp C không có nợ Công ty dầu khí A.

Đối với tài sản mà ông X, bà C đã thế chấp cho Công ty dầu khí A ông yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp vì không có đăng ký giao dịch đảm bảo và yêu cầu Công ty dầu khí A trả lại các giấy tờ mà ông X, bà C đã thế chấp cho Công ty dầu khí A. Hiện nay phần tài sản ông X, bà C thế chấp cho Công ty dầu khí A thì ông X, bà C vẫn sử dụng không có chuyển nhượng, cầm cố cho ai.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn X, ông Nguyễn Trường T trình bày:

Doanh nghiệp C do bà Trần Thị Mỹ C làm chủ không có mua bán với Công ty dầu khí A. Hợp đồng mua bán giữa Công ty dầu khí A với Doanh nghiệp C là hợp đồng giả cách cho nên hợp đồng thế chấp giữa ông X, bà C với Công ty dầu khí A không có giá trị, ông yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa Công ty dầu khí A với ông X, bà C và yêu cầu Công ty dầu khí A trả lại các giấy tờ đã thế chấp cho ông X, bà C.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Cẩm G trình bày: Ông có ký kết hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và bà G đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp C đối với Công ty dầu khí A nhưng hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu giữa Công ty dầu khí A với Doanh nghiệp C chỉ là hợp đồng giả cách nên hợp đồng thế chấp giữa ông, bà G với Công ty dầu khí A không có giá trị. Ông yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa Công ty dầu khí A với ông, bà G, đồng thời yêu cầu Công ty dầu khí A trả lại các giấy tờ mà ông, bà G đã thế chấp cho Công ty dầu khí A. Tài sản ông, bà G thế chấp cho Công ty dầu khí A ông, bà G vẫn đang quản lý, sử dụng, không có sang bán, cầm cố cho ai.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần thương mại dầu khí B, đại diện theo ủy quyền bà Trịnh Thị Mỹ H trình bày:

Công ty dầu khí A không có chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ cho Công ty cổ phần thương mại dầu khí B (sau đây viết tắt là Công ty dầu khí B) và doanh nghiệp C cũng chưa chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho Doanh nghiệp Q. Công ty dầu khí A và Công ty dầu khí B là hai công ty độc lập và

chưa có sự thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ. Tại biên bản làm việc giữa các bên ngày 24/5/2016 phía Công ty dầu khí A thông báo rõ về số nợ mà Doanh nghiệp C đang nợ Công ty dầu khí A thì bà Trần Thị Mỹ C là chủ doanh nghiệp xác nhận có nợ và đề nghị chuyển giao khoản nợ này sang cho Doanh nghiệp Q nhưng phía Công ty dầu khí A chỉ đồng ý khi có cơ sở pháp lý bảo đảm cho việc thanh toán nợ. Đến thời điểm hiện tại công ty dầu khí B chưa nhận văn bản nào về việc chuyển giao nghĩa vụ giữa Doanh nghiệp C và Doanh nghiệp Q và Công ty dầu khí A với Công ty dầu khí B cũng không có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ C, chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 67.700.871.260 đồng (sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu tám trăm bảy mươi một ngàn hai trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc là 50.672.519.260 đồng (năm mươi tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu năm trăm mười chín ngàn hai trăm sáu mươi đồng) lãi là 17.028.352.000 đồng (mười bảy tỷ không trăm hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét thẩm định; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/01/2019, Công ty dầu khí A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Trần Thị Mỹ C - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi (9%/năm) cho Công ty dầu khí A tính đến ngày xét xử vụ án là 67.879.914.208 đồng, nếu bị đơn chậm thanh toán phải chịu tiền lãi chậm trả. Trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm đã thế chấp và các tài sản khác của bị đơn để thu hồi nợ.

Ngày 25/01/2019, ông Nguyễn Trường T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang với lý do: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bản án tuyên không đúng quan hệ giao dịch mua bán, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Doanh nghiệp C.

Ngày 25/01/2019, ông Đặng Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu vì trái pháp luật và buộc Công ty dầu khí A trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho gia đình ông.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, xăng dầu là mặt hàng kinh doanh có điều kiện. Do vậy, đại diện ủy quyền của bà Trần Thị Mỹ C, chủ Doanh nghiệp Ngọc C cho rằng Doanh nghiệp Ngọc C nhận chuyển giao xăng dầu từ Doanh nghiệp Q, là không có cơ sở. Doanh nghiệp C ký hợp đồng đại lý xăng dầu theo Hợp đồng số 30/DKHG-HĐ.ĐLXD-2014, ngày 01/01/2014 là đúng sự thật. Nợ gốc và nợ lãi của Doanh nghiệp C đối với Công ty dầu khí A đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2019) với tổng số tiền 67.879.914.208 đồng. Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Doanh nghiệp C đối với Công ty dầu khí A là sự tự nguyện, đã qua công chứng, phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày công chứng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận cho nguyên đơn phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn X và bà Trần Thị Mỹ C để thu hồi nợ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Thanh T cho rằng tài sản thế chấp của Doanh nghiệp tư nhân Đ, nhưng ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm G ký tên vào hợp đồng thế chấp là không đúng về mặt chủ thể. Như vậy, Phòng Công chứng vẫn tiến hành công chứng hợp đồng là sai. Quyền sử dụng đất do ông T và bà G thế chấp, có công trình và vật kiến trúc, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá là sai sót. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, tuyên bố các hợp đồng thế chấp số 07/HĐTC và hợp đồng số 08/HĐTC ngày 15/10/2014 giữa ông T và bà G với Công ty dầu khí A vô hiệu. Buộc nguyên đơn trả lại cho ông T và bà G hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đều tuân thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhận định bản án sơ thẩm chưa giải quyết toàn diện về quan hệ thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên đương sự.

Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm G là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung và khắc phục được.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, tuyên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty dầu khí A và bị đơn bà Trần Thị Mỹ C, chủ Doanh nghiệp C phát sinh từ quan hệ mở tổng đại lý bao tiêu xăng dầu theo Hợp đồng số 30/DKHG-HĐ.ĐLXD ngày 01 tháng 01 năm 2014 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 30). Theo Hợp đồng các bên có thỏa thuận về thù lao đại lý. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán là không đúng với bản chất của quan hệ hợp đồng của các bên. Tranh chấp của các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại dưới hình thức tổng đại lý bao tiêu xăng dầu theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Thương mại năm 2005. Do vậy, Tòa cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu”.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 15 tháng 3 năm 2017. Ngày 03 tháng 11 năm 2017 bị đơn bà Trần Thị Mỹ C làm đơn phản tố yêu cầu hủy các hợp đồng thế chấp số 01-HĐTC/2014/DKHG; số 02-HĐTC/2014/DKHG; số 03-HĐTC/2014/DKHG; số 05-HĐTC/2014/DKHG; số 06-HĐTC/2014/DKHG; số 07-HĐTC/2014/DKHG và số 08-HĐTC/2014/DKHG cùng ngày 15 tháng 10 năm 2014 (sau đây được viết tắt là HĐTC số 01, 02, 03, 05, 06, 07, 08), tuyên bố các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu, để trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 17

tháng 3 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm G có đơn yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn, yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp số 07-HĐTC/2014/DKHG và Hợp đồng thế chấp số 08-HĐTC/2014/DKHG ngày 13/11/2014. Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp tạm ứng án phí phản tố và yêu cầu độc lập là vi phạm tố tụng. Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến hậu quả, không giải quyết triệt để nội dung tranh chấp của vụ án. Đồng thời, chưa đảm bảo quyền tự quyết định và tự định đoạt của các đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ các đương sự vào tham gia tố tụng, gồm: Ông Đặng Văn X với tư cách là chủ Doanh nghiệp Q, là người nhận chuyển giao nghĩa vụ với bà Trần Thị Mỹ C, chủ Doanh nghiệp C; Ông Đặng Thanh T với tư cách chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ, trong quan hệ thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp tư nhân Đ. Thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến chưa giải quyết đúng đắn về nội dung cần giải quyết của vụ án, đồng thời chưa đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các bên đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự.

[2.1] Nguyên đơn Công ty dầu khí A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại lãi suất đối với nợ gốc 50.672.519.260 đồng từ ngày 25/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2019) là 17.207.394.948 đồng.

Theo Hợp đồng số 30/DKHG-HĐ.ĐLXD-2014 ngày 01/01/2014, Công ty dầu khí A đã thỏa thuận cho Doanh nghiệp C mua xăng dầu trả chậm. Các bên có ký 05 hợp đồng ký gửi (số 01, 02, 03, 04, 05) từ ngày 25/5/2014 đến 29/5/2014 với tổng giá trị 51.965.460.000 đồng tương ứng với 2.641.000 lít xăng dầu (Biên bản thỏa thuận ngày 23/10/2014).

Tuy nhiên, về tư cách tham gia ký kết các hợp đồng số 30/DKHG-HĐ.ĐLXD-2014 ngày 01/01/2014 giữa Công ty dầu khí A và Doanh nghiệp C. Công ty dầu khí A là công ty con của Công ty cổ phần thương mại dầu khí B, do ông Lê Trung Nguyên K là chủ tịch công ty, là đại diện theo pháp luật của Công ty dầu khí A. Như vậy, ông Trần Văn L là Giám đốc công ty, đại diện ký kết Hợp đồng số 30 và các hợp đồng ký gửi số 01, 02, 03, 04, 05 không có ủy quyền của ông Lê Trung Nguyên K là không đúng với Điều lệ hoạt động của Công ty dầu khí A. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ tư cách ký kết các hợp đồng nêu trên của ông Trần Văn L là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Công ty dầu khí A không cung cấp được chứng cứ nêu trên, nên Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở để phán quyết các hợp đồng nêu trên có hợp pháp hay không.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty dầu khí A và Doanh nghiệp C để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi vì, các biên bản xác nhận công nợ: ngày 31/01/2015; ngày 28/02/2015; ngày 31/3/2015; ngày 30/4/2015; ngày 31/5/2015; 30/6/2015; ngày 31/7/2015; ngày 31/8/2015; ngày 30/9/2015; ngày 31/10/2015; ngày 30/11/2015; ngày 31/12/2015; ngày 31/01/2016; ngày 29/02/2016; ngày 31/3/2016; ngày 30/4/2016 là biên bản xác nhận công nợ căn cứ vào hợp đồng số 11/HĐ-ĐLXD/2011 ngày 16/6/2011. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đặng Văn X là chủ Doanh nghiệp Q vào tham gia tố tụng, để làm rõ về nội dung ông nhận chuyển giao công nợ của Doanh nghiệp C đối với số nợ của hợp đồng đại lý xăng dầu số 30 hay hợp đồng đại lý xăng dầu số 11.

Đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác của bà Trần Thị Mỹ C để công ty dầu khí A thu hồi nợ.

Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01-HĐTC/2014/DKKG; số 02-HĐTC/2014/DKKG; số 03-HĐTC/2014/DKKG; số 05-HĐTC/2014/DKKG; số 06-HĐTC/2014/DKKG cùng ký trong ngày 15/10/2014, giữa ông Đặng Văn X, bà Trần Thị Mỹ C với Công ty dầu khí A để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp C do bà Trần Thị Mỹ C làm chủ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01030/QSDĐ, ngày 09/9/1997; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX-0302 QSDĐ, ngày 10/12/2003 do ông Đặng Văn X đứng tên chủ hộ. Bà Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ hộ đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01031, ngày 09/9/1997. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để xác định việc thế chấp của đại diện chủ hộ là ông X và bà C có sự đồng ý của các thành viên khác trong hộ hay không. Các thành viên trong hộ của ông X và bà C, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm những ai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT04374, ngày 03/4/2012, do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển và kinh doanh nhà T, thuộc quyền sở hữu của ai, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Do vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông X và bà C ký kết với công ty dầu khí A không đảm bảo về nội dung.

Về hình thức: Tất cả các hợp đồng thế chấp trên mặc dù đã qua công chứng, nhưng không có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan có thẩm quyền (Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nơi có các phần đất thế chấp) là trái với quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Các điều 717, 719 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015); điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số

163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm: “*Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất*”.

Mặt khác, tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số 01, 02, 03, 05, 06, 07, 08 các bên có thỏa thuận: “*Việc đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên B (Công ty dầu khí A) chịu trách nhiệm thực hiện*”. Như vậy, nguyên đơn không thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, dẫn đến hậu quả hợp đồng vô hiệu do không tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các hợp đồng thế chấp giữa ông X, bà C, ông T, bà G với Công ty dầu khí A vô hiệu là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa công ty dầu khí Đ; ông Đặng Văn X, chủ doanh nghiệp Q vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp và không tiến hành thẩm định giá tài sản là các quyền sử dụng đất thế chấp của ông X và bà C là thiếu sót về nội dung. Đồng thời, Công ty dầu khí A căn cứ vào các biên bản xác nhận công nợ để khởi kiện Doanh nghiệp C để đòi nợ là không đúng, vì các biên bản này xác nhận công nợ cho hợp đồng đại lý số 11/HĐ-ĐLXD/2011.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn là bà Trần Thị Mỹ C, chủ Doanh nghiệp C đã có xác nhận nợ với Công ty dầu khí A vào ngày 24/5/2016, số nợ gốc là 50.672.519.260 đồng và đồng ý trả lãi suất 9%/năm. Việc thừa nhận nợ của bà C là tự nguyện và phù hợp với các chứng từ khác như các hợp đồng ký gửi số 01, 02, 03, 04, 05 và biên bản thỏa thuận ngày 23/10/2014 giữa Công ty dầu khí A với doanh nghiệp C. Do đó, bà Trần Thị Mỹ C, chủ doanh nghiệp C phải chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Tuy nhiên, bà C không thừa nhận nợ và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là chưa thỏa đáng.

Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí Đ là thành viên của Công ty dầu khí B, do vậy tranh chấp hợp đồng đại lý giữa Công ty dầu khí A và Doanh nghiệp C, không nhất thiết phải đưa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí Đ vào tham gia tố tụng.

Đối với các biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty dầu khí A và Doanh nghiệp C đối với Hợp đồng đại lý số 11/HĐ-ĐLXD/2011 như đại diện bị đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, các biên bản xác nhận công nợ nêu trên không phải là chứng cứ duy nhất để cho rằng bị đơn không có nợ đối với nguyên đơn theo

Hợp đồng số 30. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lập luận của đại diện bị đơn.

Khi làm đơn kháng cáo mặc dù ông Đặng Văn X và bà Trần Thị Mỹ C là vợ chồng nhưng tư cách tham gia tố tụng khác nhau, cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Trường T đại diện tham gia tố tụng. Tại đơn kháng cáo ngày 25/01/2019, ông Nguyễn Trường T đại diện đứng đơn kháng cáo cho cả ông X, bà C trong một đơn kháng cáo với hai tư cách tham gia tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm lại đơn kháng cáo, mà chấp nhận đơn để ra thông báo nộp tạm ứng án phí kháng cáo là không đúng. Trong vụ án, ông Đặng Văn X tham gia tố tụng với hai tư cách khác nhau: Thứ nhất là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với tài sản chung của vợ chồng thể chấp theo các hợp đồng thế chấp số 01, 02, 03, 05, 06; Thứ hai là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Q, nhận chuyển giao nghĩa vụ của Doanh nghiệp C. Như vậy, ông Đặng Văn X ủy quyền cho ông Nguyễn Trường T tham gia tố tụng ở vị trí tố tụng nào, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ. Nếu xét ông X ở tư cách là chủ Doanh nghiệp Q thì có mâu thuẫn quyền lợi với Doanh nghiệp C. Vì Doanh nghiệp C không thừa nhận có nợ Công ty dầu khí A, đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho Doanh nghiệp Q. Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông X vào tham gia tố tụng với tư cách là Chủ Doanh nghiệp Q nhận chuyển giao nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp C để tiến hành hòa giải là thiếu sót.

[2.3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp giữa ông và bà Nguyễn Thị Cẩm G với Công ty dầu khí A, để bảo đảm nợ cho Doanh nghiệp C là vô hiệu, xử lý hợp đồng vô hiệu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và bà G.

Như đã nhận định tại phần trên, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07, 08 ngày 15/10/2014, giữa ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm G với Công ty dầu khí A; giữa ông Đặng Thanh T là chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ với Công ty dầu khí A. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T với tư cách chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ vào tham gia tố tụng để tiến hành hòa giải là chưa đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, không thi hành án được.

Như vậy, về cả nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp số 07, 08 chưa đảm bảo tính pháp lý như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại bản án cấp sơ thẩm có nhận định hợp đồng thế chấp vô hiệu, nhưng trong phần quyết định của bản án không tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu, không xử lý

hậu quả hợp đồng vô hiệu. Bị đơn và người có quyền lợi liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy hợp đồng thế chấp vô hiệu. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo của các đương sự. Những vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Do bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm về nội dung và tố tụng, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh T, có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định hủy bản án sơ thẩm, để trả về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4] Án phí phúc thẩm không ai phải chịu; án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án tại cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã M giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dầu khí A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai

triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019385 ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại cho bị đơn bà Trần Thị Mỹ C, chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019387 ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại cho ông Đặng Văn X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019389 ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại cho ông Đặng Thanh T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019378 ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

4. Về chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng